UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 6 năm 2021.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo quyết định số 245/QĐ-CĐKTKT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh)

Tên ngành, nghề: **Điện tử dân dụng**
Mã ngành, nghề: 5520224
Trình độ đào tạo: Trung cấp
Hình thức đào tạo: Chính quy
Đối tượng tuyển sinh: THCS
Thời gian đào tạo: 2 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Điện tử dân dụng trình độ trung cấp là ngành, nghề mà người hành nghề chuyên thực hiện các công việc lắp ráp, kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng, sản xuất vận hành khai thác các thiết bị điện tử dân dụng như: các thiết bị điện tử gia dụng, hệ thống giám sát cảnh báo, các hệ thống điều khiển thông minh, các hệ thống chiếu sáng dân dụng, các thiết bị chăm sóc sức khỏe cá nhân theo đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo an ninh, an toàn, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người hành nghề Điện điện tử dân dụng làm việc trong các cơ sở sản xuất, cơ quan, đơn vị kinh doanh, tự tổ chức và làm chủ cơ sở sản xuất, sửa chữa thiết bị điện tử.

Để hành nghề, người lao động phải có sức khỏe và đạo đức nghề nghiệp tốt, có đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng với vị trí công việc. Làm việc và giải quyết các công việc một cách chủ động, giao tiếp và phối hợp làm việc theo tổ, nhóm, tổ chức và quản lý quá trình sản xuất, bồi dưỡng kèm cặp được công nhân bậc thấp tương ứng với trình độ quy định.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

1.2.1.1. Kiến thức đại cương

– Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

– Hiểu biết cơ bản về truyền thống quý báu của dân tộc, của giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam.

1.2.1.2 Kiến thức cơ sở ngành

– Trình bày được các qui tắc về an toàn lao động; vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng phòng chống phát thải;

– Nêu được các quy định, tiêu chuẩn trong các bản vẽ kỹ thuật của nghề;

– Trình bày được nguyên lý hoạt động của các mạch điện tử cơ bản;

1.2.1.3 Kiến thức chuyên ngành

– Mô tả được quy trình công nghệ lắp ráp, sửa chữa, thay thế mảng, cụm thiết bị điện tử;

– Trình bày được các ứng dụng, tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào công việc thực tiễn của nghề;

– Giải thích được nguyên lý của các thiết bị âm thanh, hình ảnh.

– Kiểm tra, đánh giá, khắc phục được các dạng hư hỏng thường gặp của thiết bị điện tử.

– Ứng dụng được các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào công việc thực tiễn của nghề.

1.2.2 Kỹ năng:

1.2.2.1. Kỹ năng cứng

– Sử dụng thành thạo các dụng cụ đồ nghề chuyên dùng thông dụng;

– Đọc hiểu bản vẽ, sơ đồ nguyên lý của thiết bị điện tử;

– Lắp ráp, thay thế các linh kiện hư hỏng trên thiết bị điện tử;

– Xử lý được một số sự cố kỹ thuật đơn giản xảy ra trong quá trình vận hành của các thiết bị điện tử, thiết bị viễn thông;

– Bảo dưỡng, sửa chữa được một số thiết bị điện tử dân dụng, hệ thống nghe nhìn, camera, hệ thống giám sát cảnh báo;

– Sử dụng thành thạo phần mềm kỹ thuật để vẽ và thiết kế board mạch theo yêu cầu;

– Chẩn đoán và đề xuất các giải pháp khắc phục hư hỏng của thiết bị truyền hình.

1.2.2.2. Kỹ năng mềm

- Ngoại ngữ: Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp đạt trình độ tương đương trình độ A2 theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Tin học: Ứng dụng được các kỹ năng tin học vào công việc đạt trình độ kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản;

Kỹ năng mềm: Có khả năng giao tiếp tốt, rèn luyện được kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy sáng tạo.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

– Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

– Có khả năng giải quyết một số công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

– Có đạo đức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp và ý thức tổ chức kỷ luật;

– Năng động, có ý thức sáng tạo trong quá trình làm việc, có tinh thần làm việc tập thể;

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử dân dụng;
- Sửa chữa thiết bị điện tử dân dụng;
- Kiểm định, kiểm tra chất lượng sản phẩm;
- Tư vấn dịch vụ điện tử dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ điện tử dân dụng;

Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

– Số lượng môn học: 24

– Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 64 Tín chỉ

– Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ

– Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1335 giờ

– Khối lượng lý thuyết: 439 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm, kiểm tra: 1151 giờ

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/bài tập	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**12**	**255**	**94**	**147**	**14**
MH2108019	Giáo dục Chính trị	2	30	15	13	2
MH2109105	Giáo dục thể chất	1	30	2	26	2
MH2108103	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH2109020	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
MH2101201	Tin học	2	45	15	29	1

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/bài tập	Kiểm tra
MH2072101	Tiếng Anh	**4**	90	32	53	5
II	**Các môn học, mô đun chuyên môn**	**52**	**1335**	**345**	**946**	**44**
II.1	***Môn học, mô đun cơ sở***	***13***	***315***	***75***	***226***	***14***
MH2022181	An toàn lao động và môi trường CN	2	45	15	28	2
MH2022189	Điện kỹ thuật	2	45	15	28	2
MH2022182	Kỹ thuật điện tử	2	45	15	28	2
MH2022101	Nhập môn nghề điện tử	2	45	15	28	2
MĐ2022188	Vẽ điện tử	2	45	15	28	2
MĐ2022183	Thực tập Điện cơ bản	3	90	0	86	4
II.2	***Môn học chuyên môn***	***39***	***1020***	***270***	***720***	***30***
MH2022102	Kỹ thuật mạch điện tử	3	60	30	28	2
MĐ2022184	Điện tử số	2	45	15	28	2
MH2022186	Điện tử công suất	3	60	30	28	2
MH2022104	Kỹ thuật truyền thanh	4	75	45	27	3
MH2022105	Kỹ thuật truyền hình	4	75	45	27	3
MĐ2022106	Vi điều khiển	4	75	45	27	3
MĐ2022107	Thiết bị điện tử dân dụng	3	60	30	28	2
MĐ2022108	Thực tập Thiết bị khuếch âm	2	90	0	86	4
MĐ2022109	Thực tập Thiết bị thu hình	3	90	0	86	4
MH2022110	Chuyên đề truyền hình cáp, IP	3	60	30	28	2
MĐ2022185	Thực tập kỹ thuật điện tử	2	60	0	57	3
MĐ2022111	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270	0
Tổng cộng		**64**	**1590**	**439**	**1093**	**58**

4. Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học *(đính kèm)*

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình: Chương trình đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ

5.1. Các môn học chung bắt buộc thực hiện theo Quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

+ Thực tập thiết bị khuếch âm (học tại Doanh nghiệp 30% - 50% khối lượng trong học kỳ)

+ Thiết bị điện tử dân dụng (học tại Doanh nghiệp 30% - 50% khối lượng trong học kỳ)

5.3. Tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Phương pháp, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình môn học, chương trình mô đun.

5.4. Thực tập tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Người học phải tích lũy tối thiểu 70% số tín chỉ trong chương trình đào tạo trở lên mới được đi thực tập tốt nghiệp;

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và thỏa mãn các điều kiện được quy định tại quy chế đào tạo hiện hành thì mới được xét tốt nghiệp;

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp và các qui định liên quan để xét cấp bằng tốt nghiệp cho người học.

5.5. Các chú ý khác:

Ngoài những môn học, mô đun trong chương trình đào tạo, người học cần phải học bổ sung các môn như sau nhằm đảm bảo chuẩn đầu ra theo quy định:

- Ngoại ngữ (Tiếng Anh): Học các lớp bổ sung và thi đạt kỳ thi chuẩn đầu ra của trường tương đương trình độ A2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Tin học: Học và thi Chứng chỉ Ứng dụng CNTT Cơ bản hoặc tương đương;

- Kỹ năng mềm: Học lớp bồi dưỡng Kỹ năng mềm.

HIỆU TRƯỞNG	TRƯỞNG PHÒNG QLĐT – KT	TRƯỞNG KHOA
TS. Phạm Đức Khiêm	Hồ Văn Nhát	Phạm Thanh Hải